

Bản án số: 04/2023/DS – ST

Ngày: 28/6/2023

V/v Tranh chấp QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1 – Ông Nguyễn Thành Nhật.

2 – Ông Hà Văn Dẫn.

Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST - DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST – DS ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn NĐ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Đào Anh BV – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

* **Bị đơn:** Ông Triệu Văn BĐ, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Dương Thị LQ1, sinh năm 1960. (Có mặt)

- Bà Bàn Thị LQ2, sinh năm 1991. (Có mặt)

- Bà Ma Thị LQ3, sinh năm 1949; (Vắng mặt – có đề nghị không tham gia tố tụng).

- Ông Hoàng Đức LQ4, sinh năm 1994; (Vắng mặt – có đề nghị không tham gia tố tụng).

- Bà Chu Thị LQ5 (*Vắng mặt – có đề nghị không tham gia tố tụng*).

Ủy quyền cho ông Triệu Văn LQ6. (*Vắng mặt – có đề nghị không tham gia tố tụng*).

- Ông Triệu Văn LQ6, sinh năm 1975. (*Vắng mặt – có đề nghị không tham gia tố tụng*).

Cùng địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn NĐ trình bày:**

Ông khởi kiện ông Triệu Tiến BĐ – cùng địa chỉ về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145 tờ bản đồ số 02 Bản đồ địa chính xã B, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Diện tích cụ thể theo Tòa án đo đạc là 864,6m², còn không yêu cầu giải quyết phần diện tích nào khác.

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp do bố mẹ ông khai phá từ năm 1981, sau đó đo đạc, ông kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/12/2013 mang tên Hoàng Văn NĐ.

Về thời điểm xảy ra tranh chấp vào đầu năm 2022, ông BĐ tiến hành phát vào đất của ông diện tích khoảng hơn 800m² ông đã đến nhà ông BĐ nói chuyện, cũng đã được UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên tiến hành hòa giải về diện tích đất tranh chấp này nhưng không thành.

Về tài sản trên đất ông xác định Keo, Bạch Đàn, Vầu là của ông BĐ trồng, còn cây Trạo là do tự mọc. Cây Trạo mọc tự nhiên trên đất của ông nên là của ông.

Nay ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với 864,6m² thuộc thửa số 145 và buộc ông BĐ phải khai thác, di dời cây trả phần đất tranh chấp này cho ông để ông tiếp tục quản lý sử dụng.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đào Anh Tuấn trình bày:** Ông Hoàng Văn NĐ khởi kiện ông Triệu Tiến BĐ – cùng địa chỉ về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145 tờ bản đồ số 02 Bản đồ địa chính xã B, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Diện tích cụ thể theo Tòa án đo đạc là 864,6m², ông NĐ không yêu cầu giải quyết phần diện tích nào khác. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp do bố mẹ ông NĐ khai phá từ năm 1981, sau đó đo đạc, ông NĐ kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/12/2013 mang tên Hoàng Văn NĐ. Do vậy, xác định yêu cầu khởi kiện của ông NĐ là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NĐ, công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với 864,6m² thuộc thửa số 145 tờ số 02 Bản đồ địa chính xã B, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên và buộc ông BĐ phải khai thác, di dời cây ông BĐ trồng để

trả phần đất tranh chấp này cho ông NĐ để ông NĐ tiếp tục quản lý sử dụng

**** Bị đơn ông Triệu Tiến BĐ trình bày:***

Ông bị ông Hoàng Văn NĐ – địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên khởi kiện lý do Tranh chấp QSD đất. Về quan hệ ông NĐ là người cùng xóm.

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp: Ông sinh ra và lớn lên ở xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai đến năm 1987 ông có đến xóm A, xã B, huyện Võ Nhai để khai phá đất. Phần đất đang tranh chấp do ông và vợ là bà Dương Thị LQ1 cùng nhau khai phá và sử dụng. Từ năm 1987 đến nay gia đình ông liên tục sử dụng phần đất này, trước đây có trồng Dứa, trồng Mía, Tre, sau đó chuyển sang trồng Keo. Đến năm 1995 Nhà nước tiến hành cho nhà ông khoanh nuôi và lập hồ sơ, ông đã được UBND huyện Quyết định giao đất, giao rừng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 27.400 m² mang tên ông Triệu Tiến BĐ. Diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất là thửa số 01 tờ bản đồ 331A diện tích 0,62ha mà ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về tài sản trên đất ông xác định Keo, Bạch Đàn, Vầu là của ông trồng, còn cây Treo là do mọc tự nhiên cũng là của ông.

Nay ông NĐ yêu cầu ông trả lại phần đất đang tranh chấp và yêu cầu ông khai thác, di dời cây Keo và các cây ông trồng trả lại đất cho ông NĐ, công nhận quyền sử dụng hợp pháp, ông không đồng ý. Đây là đất của gia đình ông, đã khai thác, sử dụng từ năm 1987 đến nay, ông NĐ không có quyền khởi kiện ông.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị LQ1 trình bày:***

Bà là vợ ông Triệu Tiến BĐ, ông BĐ là bị đơn trong vụ án tranh chấp QSD đất giữa ông Hoàng Văn NĐ và ông Triệu Tiến BĐ. Ông NĐ là hàng xóm với gia đình bà.

Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp do bà và ông Triệu Tiến BĐ khai phá từ năm 1987, sau khi khai phá gia đình bà sử dụng ổn định liên tục, gia đình bà có trồng Dứa, Mía, Tre, sau đó chuyển sang trồng Keo. Đến năm 1995 nhà nước tiến hành cho gia đình bà khoanh nuôi và lập hồ sơ giao đất, giao rừng, đã có Quyết định giao đất, giao rừng và ông BĐ đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 27.400m², phần đất đang tranh chấp là một phần thửa đất ông BĐ chồng bà đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

Nay ông NĐ yêu cầu bà và gia đình trả lại phần đất đang tranh chấp, khai thác, di dời cây Keo trả lại đất cho ông NĐ, công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho ông NĐ, bà không đồng ý vì đây là đất của gia đình bà đã khai phá từ năm 1987 và đã được nhà nước công nhận hợp pháp.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bàn Thị LQ2 trình bày:***

Bà có biết việc ông NĐ nộp đơn khởi kiện ông Triệu Tiến BĐ về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Bà là vợ của ông Hoàng Văn NĐ và là hàng xóm của ông

BD.

Về nguồn gốc đất là do bố mẹ chồng bà khai phá từ năm 1981, sau về làm dâu bà cùng ông NĐ canh tác, chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên mang tên Hoàng Văn NĐ, cấp ngày 17/12/2013. Đến đầu năm 2022 ông BD lấn chiếm và trồng Keo, Vầu, Bạch Đàn trên đất của gia đình bà, riêng cây Trẹo mọc tự nhiên. Khi xảy ra tranh chấp, chồng bà đã đến nhà ông BD nói chuyện, cũng đã được UBND xã B, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tiến hành hòa giải về diện tích đất tranh chấp này nhưng không được.

Nay bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đề nghị ông BD trả phần đất tranh chấp này cho hai vợ chồng để bà tiếp tục khai thác và sử dụng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị LQ3 trình bày:***

Bà có biết việc con trai là ông Hoàng Văn NĐ nộp đơn khởi kiện ông Triệu Tiên BD về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Bà là mẹ đẻ của ông Hoàng Văn NĐ và là hàng xóm của ông BD.

Về nguồn gốc đất là do vợ chồng bà khai phá từ năm 1981, thời điểm đó trồng Lúa và Sắn, sau đó cho vợ chồng ông NĐ canh tác và sử dụng đến nay. Ông NĐ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên mang tên Hoàng Văn NĐ, cấp ngày 17/12/2013. Đến năm 2022 ông BD lấn chiếm và trồng Keo nên xảy ra tranh chấp, sự việc đã được UBND xã B, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tiến hành hòa giải về diện tích đất tranh chấp này nhưng không được. Nay bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đề nghị ông BD trả phần đất tranh chấp này cho con trai bà tiếp tục khai thác và sử dụng. Bà từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án không triệu tập bà nữa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đức LQ4 trình bày:***

Ông có biết việc ông Hoàng Văn NĐ nộp đơn khởi kiện ông Triệu Tiên BD về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Ông là anh trai ruột của ông Hoàng Văn NĐ và là hàng xóm của ông BD.

Về nguồn gốc đất là do bố mẹ ông bà khai phá từ năm 1981 tại xóm A, xã B, huyện Võ Nhai là thửa số 145 tờ số 2 Bản đồ địa chính xã B, huyện Võ Nhai, thời điểm đó trồng Lúa và Sắn, sau đó ông BD lấn chiếm và trồng khoảng hơn 300 cây Keo, vài gốc Vầu, Trẹo và Bạch Đàn. Ông NĐ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên mang tên Hoàng Văn NĐ, cấp ngày 17/12/2013. Đến năm 2022 xảy ra tranh chấp, em trai ông đã đến nhà ông BD nói chuyện, cùng đã được UBND xã B, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tiến hành hòa giải về diện tích đất tranh chấp này nhưng không được. Nay ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đề nghị ông BD trả phần đất tranh chấp này cho em trai ông tiếp tục khai thác và sử dụng. Ông từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án không triệu tập ông nữa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị LQ5 - ông Triệu Văn LQ6 trình bày:**

Ông là con ông Triệu Tiến BĐ. Bà Chu Thị LQ5 là vợ cũ của ông BĐ, bà Lý là mẹ của ông. Ông được bà Chu Thị LQ5 ủy quyền để tham gia giải quyết vụ án.

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp, năm 1995 gia đình nhận giao đất giao rừng ông và bà Lý có tên trong khẩu hộ gia đình. Tại thời điểm năm 1995 gia đình ông có 04 người trưởng thành là ông BĐ, bà Lý, bà Ba và anh.

Phần đất đang tranh chấp theo ông là thửa số 1 tờ bản đồ 331A đã được giao đất giao rừng và cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Triệu Tiến BĐ. Không hiểu lý do gì ông NĐ lại khởi kiện ông BĐ để đòi lại đất. Không hiểu cơ quan nào đo đạc và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông NĐ.

Nay ông NĐ đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông BĐ trả lại đất, ông cho rằng đây là đất của ông BĐ.

Phần đất này là của ông BĐ, ông và bà Lý đã ra ở riêng không có liên quan gì đến phần đất đang tranh chấp, đề nghị Tòa án không triệu tập và đưa ông và bà Lý vào tham gia tố tụng.

* Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị LQ5, ông Triệu Văn LQ6, ông Hoàng Đức LQ4, bà Ma Thị LQ3, tuy nhiên quá trình lấy lời khai bà Lý, ông Chuyển, ông Quyền, bà Chí đều xác định không có liên quan gì đến phần đất đang tranh chấp và từ chối tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo quy định.

***Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn NĐ. Yêu cầu công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 864,6m² đất đang tranh chấp.

- Công nhận quyền sử dụng hợp pháp của ông Hoàng Văn NĐ đối với diện tích 864,6m² đất đang tranh chấp, diện tích này nằm trong thửa số 145 tờ Bản đồ địa chính số 2 xã B, huyện Võ Nhai có tổng diện tích 2.759m², ông Hoàng Văn NĐ đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất số BV 688455, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00257, ngày 17/12/2013. Buộc ông Triệu Tiến BĐ khai thác, di dời 202 cây Keo (đường kính từ 03 – 05cm), 31 cây Bạch đàn (đường kính từ 02 – 04cm), 06 khóm vầu (20 cây) để trả phần đất đang tranh chấp cho ông NĐ quản lý sử dụng.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Xử lý án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ông Hoàng Văn NĐ khởi kiện ông Triệu Tiến BĐ vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp mình bị xâm phạm, yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Triệu Tiến BĐ. Căn cứ yêu cầu khởi kiện Tòa án thụ lý giải quyết vụ án với quan hệ giải quyết là tranh chấp quyền sử dụng đất.

Về tư cách tố tụng: Ông Hoàng Văn NĐ là nguyên đơn, ông Triệu Tiến BĐ là bị đơn.

Bà Bàn Thị LQ2 là vợ ông NĐ xác định sau khi về làm dâu, có cùng chồng canh tác trên phần đất này sau đó ông BĐ lấn chiếm của gia đình bà. Theo biên bản xác minh xác định các thành viên trưởng thành trong hộ gia đình ông Hoàng Văn NĐ gồm: bà Ma Thị LQ3, ông Hoàng Đức LQ4, ông Hoàng Văn NĐ và bà Bàn Thị LQ2.

Ông Triệu Tiến BĐ cho rằng phần đất đang tranh chấp do ông và bà Dương Thị LQ1 khai phá và sử dụng, năm 1995 hộ gia đình ông được giao đất giao rừng sau đó được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Năm 1995 thời điểm UBND huyện Võ Nhai có Quyết định giao đất, giao rừng hộ ông BĐ có các thành viên trưởng thành gồm: ông Triệu Tiến BĐ, bà Dương Thị LQ1, bà Chu Thị LQ5, ông Triệu Văn LQ6; hiện nay có 02 thành viên là ông BĐ và bà Ba.

Ông Hoàng Văn NĐ có đơn đề nghị trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nước tỉnh Thái Nguyên đã cử ông Đào Anh BV là Trợ giúp viên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông NĐ.

Từ những nhận định nêu trên, xác định bà Dương Thị LQ1, bà Bàn Thị LQ2, bà Ma Thị LQ3, ông Hoàng Đức LQ4, bà Chu Thị LQ5, ông Triệu Văn LQ6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông Đào Anh BV là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu của người khởi kiện ông Hoàng Văn NĐ, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng hợp pháp và buộc ông Triệu Tiến BĐ khai thác, di dời cây trên đất để trả lại phần đất đang tranh chấp để ông quản lý sử dụng.

Về giấy tờ pháp lý đối với quyền sử dụng đất:

Ông Hoàng Văn NĐ được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 145 tờ Bản đồ địa chính số 2 xã B, huyện Võ Nhai có tổng diện tích 2.759m², ông Hoàng Văn NĐ đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất số BV 688455, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00257, ngày 17/12/2013.

Ông Triệu Tiến BĐ được giao đất giao rừng và cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với lô số 01 diện tích 0,62ha từ 331A Bản đồ giao đất giao rừng xã B.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định ngày 16/3/2023 và ngày 25/5/2023 xác định tổng diện tích đất tranh chấp 1.282,5m² nằm trên thửa số 145, 151 và 154 Bản đồ địa chính xã B, đối chiếu bản đồ giao đất giao rừng một phần nằm trong thửa số 01 từ bản đồ 331A. Diện tích và tài sản trên đất cụ thể:

- Nằm ở thửa số 145 diện tích 864,6m², trên đất có 202 cây Keo (đường kính từ 03 – 05cm), 31 cây Bạch đàn (đường kính từ 02 – 04cm), 20 cây Trẹo (đường kính từ 06 – 10cm), 06 khóm vầu (20 cây). Đối chiếu bản đồ giao đất giao rừng là phần đất trống, không có ô, lô, thửa chưa giao cho ai.

- Nằm ở thửa số 151 diện tích 401m², trên đất có 94 cây Keo (đường kính từ 03 – 05cm), 14 cây Bạch đàn (đường kính từ 02 – 04cm). Đối chiếu bản đồ giao đất giao rừng có diện tích 49,8m² đất nằm trong thửa số 01 từ bản đồ 331A, trên diện tích 49,8m² đất có 12 cây Keo (đường kính từ 03 – 05cm).

- Nằm ở thửa số 154 diện tích 16,9m², trên đất có 04 cây Keo (đường kính từ 03 – 05cm). Đối chiếu bản đồ giao đất giao rừng là phần đất trống, không có ô, lô, thửa chưa giao cho ai.

Ngày 25/5/2023 đã tiến hành định giá đất và tài sản trên đất đang tranh chấp. Kết quả cụ thể:

- * Đất và cây tại thửa 145:

- Đất có trị giá: 8.646.000 đồng;

- Tài sản trên đất (cây) có trị giá: 4.129.000 đồng. (Cây Trẹo có trị giá 700.000 đồng)

- * Đất và cây trên thửa 151:

- Đất có trị giá: 4.010.000 đồng;

- Tài sản trên đất (cây) có trị giá: 1.566.000 đồng.

Trong đó phần đất nằm trong thửa số 01 từ bản đồ 331A Bản đồ giao đất, giao rừng có trị giá 498.000 đồng và tài sản trên đất có trị giá 174.000 đồng.

- * Đất và cây trên thửa số 154:

- Đất có trị giá: 169.000 đồng;

- Tài sản trên đất (cây) có trị giá: 58.000 đồng.

Ngày 05/6/2023 nguyên đơn ông Hoàng Văn NĐ có đơn đề nghị, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/6/2023 và tại phiên tòa hôm nay, ông NĐ xác định trong tổng diện tích 1.282,5m² đo đạc ngày

16/3/2023, ông chỉ yêu cầu giải quyết và công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 864,6m² nằm trong thửa số 145 Bản đồ địa chính xã B, trên đất có 202 cây Keo (đường kính từ 03 – 05cm), 31 cây Bạch đàn (đường kính từ 02 – 04cm), 20 cây Trẹo (đường kính từ 06 – 10cm), 06 khóm vầu (20 cây). Phần diện tích còn lại nằm tại các thửa 151, 154 Bản đồ địa chính xã B và tài sản trên các thửa này ông không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác định nguyên đơn yêu cầu giải quyết diện tích 864,6m² có trị giá 8.646.000 đồng.

Trên phần đất diện tích 864,6m² này có tài sản của ông BD không tranh chấp gồm có 202 cây Keo (đường kính từ 03 – 05cm), 31 cây Bạch Đàn (đường kính từ 02 – 04cm), 06 khóm Vầu (20 cây). Nguyên đơn và bị đơn đều xác định 20 cây Trẹo (đường kính từ 06 – 10cm) là tự mọc và đều xác định là của mình, 20 cây Trẹo có giá trị 700.000 đồng.

Do vậy, xác định giá trị tài sản tranh chấp là: 9.346.000 đồng.

Từ những căn cứ nhận định này, đủ cơ sở để khẳng định diện tích 864,6m² đất đang tranh chấp thuộc thửa số 145 tờ số 2 Bản đồ địa chính xã B, huyện Võ Nhai, ông Hoàng Văn NĐ đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất số BV 688455, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00257, ngày 17/12/2013. Do đó cần công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông Hoàng Văn NĐ và buộc ông Triệu Tiến BD phải khai thác, di dời cây Keo, Bạch Đàn, Vầu để trả lại đất cho ông NĐ quản lý sử dụng.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng.

Ông Triệu Tiến BD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định. Ông Hoàng Văn NĐ đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 14.300.000 đồng và đã chi hết, nay buộc ông BD nộp để trả cho ông NĐ.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí ông NĐ đã nộp đối với yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 157; 158; 165; 166; 244; 266 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 26; Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn NĐ, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với 864,6m² đất đang tranh chấp.

2. Buộc ông Triệu Tiến BĐ trả cho ông Hoàng Văn NĐ diện tích 864,6m² đất nằm trong thửa số 145 tờ số 2 Bản đồ địa chính xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Ông Hoàng Văn NĐ đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận QSD đất số BV 688455, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00257, ngày 17/12/2013. *(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)*

3. Buộc ông Triệu Tiến BĐ khai thác, di dời 202 cây Keo (đường kính từ 03 – 05cm), 31 cây Bạch Đàn (đường kính từ 02 – 04cm), 06 khóm Vầu (20 cây).

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

4.1. Về án phí: Buộc ông Triệu Tiến BĐ chịu 467.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Hoàng Văn NĐ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông NĐ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 00005100 ngày 08/02/2023.

4.2. Về chi phí tố tụng: Ông Triệu Tiến BĐ phải chịu 14.300.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Ông Hoàng Văn NĐ đã nộp tạm ứng và chi hết, nay thu của ông Triệu Tiến BĐ để trả cho ông Hoàng Văn NĐ.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu NĐ pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi xuất.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã B;
- Dương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Kim Tuấn